

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2025/KDTM - ST

Ngày: 24/4/2025

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Nhiên; ông Trần Tuấn Cường

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên

Ngày 24/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 18/2024/TLST – KDTM, ngày 13/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (V)

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc Đ – Phó trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ1.

Địa chỉ: Số G, đường T, phường M, Tp ., tỉnh Điện Biên

- Bị đơn: Công ty cổ phần T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tự H – Giám đốc; Địa chỉ: Tổ I, phường T, Tp ., Hòa Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Cao Văn N, sinh năm 1981; Trú tại: Mỏ đá H, xóm M, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần T1; Địa chỉ: Tổ I, phường T, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Anh Trần Anh A – Giám đốc. Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ1 đã cho Công ty Cổ phần T vay vốn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 89/2021- HĐCVHM/NHCT184-CTCPTĐHB ngày 05 tháng 07 năm 2021. Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại theo đăng ký kinh doanh. Cụ thể: Kinh doanh thương mại các mặt hàng vật liệu xây dựng như xi măng, đá xây dựng. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay lại mọi thời điểm không vượt quá 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*). Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP C đã nhiều lần giải ngân cho Công ty Cổ phần T theo hợp đồng hạn mức đã ký kết với Công ty T.

** Tài sản bảo đảm cho khoản vay*

Ngân hàng cho Công ty Cổ phần T vay vốn có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp; Tài sản bảo đảm là Toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số: 10; Tờ bản đồ số: 10; Địa chỉ thửa đất: Tổ A, Phường T, Thành Phố H, tỉnh Hòa Bình; Chủ sở hữu: Công ty cổ phần T1. Là: Toàn bộ các hạng mục công trình gồm: Nhà bảo vệ; Nhà ăn ca; Nhà điều hành; Nhà nghỉ nhân viên; Chòi nghỉ; Nhà để xe. (*không bao gồm quyền sử dụng đất*). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 114/2021/HĐBĐ/NHCT184 ký kết ngày 06/7/2021, giữa Bên thế chấp là Công ty cổ phần T1 và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ1.

Ngày 26/10/2022 Công ty Cổ phần T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi, nợ gốc và phí của Hợp đồng vay. Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ1 đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty Cổ phần T trả nợ nhưng Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn với Ngân hàng. Ngày 17/6/2024 Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ1 đã có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Công ty T trả nợ. Tổng nợ tính đến ngày 17/06/2024 là: 6.066.231.899 đồng (*Sáu tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng*). Trong đó:

- + Nợ gốc: 4.959.829.720 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 62.928.493 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn dư nợ gốc: 1.003.303.406 đồng;

Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ1 khởi kiện Công ty Cổ phần T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình thụ lý, giải quyết vụ án: Tuyên buộc Công ty Cổ phần T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ số tiền gốc còn nợ cùng số tiền lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay đã ký kết với tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/4/2025: 6.558.054.065 đồng (*Sáu tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, không trăm sáu mươi năm đồng*). Trong đó:

- Nợ gốc: 4.959.829.720 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 62.928.493 đồng;

Nợ lãi quá hạn dư nợ gốc: 1.003.303.406 đồng;

2. Buộc Công ty Cổ phần T phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh (nợ trong hạn, nợ lãi quá hạn và các chi phí khác có liên quan...) cho NHCTVN theo mức lãi suất và phí thỏa thuận trong: Hợp đồng cho vay hạn mức số: 89/2021-HĐCVHM/NHCT184- CTCPTĐHB ngày 05 tháng 07 năm 2021 trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 18/06/2024 cho đến khi Công ty Cổ phần T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

3. Yêu cầu Công ty cổ phần T1 tiếp tục thực hiện các cam kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 114/2021/HĐBĐ/NHCT184 ký kết ngày 06/7/2021, giữa Bên thế chấp là Công ty cổ phần T1 và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ1.

4. Trong trường hợp Công ty Cổ phần T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ngay sau khi bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP C có quyền: Yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP C theo đúng quy định của pháp luật.

5. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần T thì Công ty Cổ phần T tiếp tục có nghĩa vụ trả đủ khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn: Công ty cổ phần T. Đại diện theo ủy quyền ông Cao Văn N trình bày:

Công ty công nhận Hợp đồng cho vay hạn mức và hợp đồng thế chấp và dư nợ như Ngân hàng đã trình bày là đúng:

Công ty đề nghị phương án trả nợ như sau: T sẽ trả nợ ngân hàng số tiền gốc trong năm 2025 vào các thời điểm sau:

- Ngày 30/6/2025: Trả nợ 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*);

- Ngày 30/9/2025: Trả nợ 1.500.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*);

- Ngày 31/12/2025: Trả nợ 2.500.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*);

- Ngày 31/3/2026: Trả nợ

Số tiền lãi sẽ thỏa thuận với ngân hàng sau khi trả nợ gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần T1 - Người đại diện pháp luật của công ty Ông Trần Anh A trình bày:

Vào ngày 06/7/2021, tôi có đồng ý cho T dùng tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tổ I, phường T, Tp ., tỉnh Hòa Bình để T dùng làm tài sản thế chấp vay bên Ngân hàng TMCP C - CN Điện Biên. Đến thời điểm hiện tại

do T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo HĐ tín dụng đối với ngân hàng. Ông Trần Anh A yêu cầu bên CTCP T phải thực hiện tất toán khoản vay với phía ngân hàng để trả lại tài sản của bên công ty CP T1 trong thời gian sớm nhất. Đồng ý với phương án trả nợ của T, kính đề nghị Toà án và ngân hàng T2 điều kiện cho T trả nợ theo lộ trình trên.

- Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của BLTTDS tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP C (gọi tắt là V1) khởi kiện Công ty cổ phần T (Gọi tắt là Công ty T), trụ sở tại địa chỉ: Tổ I, phường T, TP ., tỉnh Hòa Bình, đối với Hợp đồng cho vay hạn mức được ký kết và giải ngân tại V1 chi nhánh Đ1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn với toàn bộ khoản nợ vay và lãi phát sinh:

Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đ1 và Công ty Cổ phần T ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: 89/2021- HĐCVHM/NHCT184-CTCPTĐHB ngày 06 tháng 07 năm 2021 với hạn mức 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Ngân hàng V1 đã giải

ngân cho Công ty T theo hạn mức đã ký kết, thời hạn vay và mức lãi suất được thể hiện trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với hợp đồng cho vay hạn mức đã ký.

Xét thấy Hợp đồng cho vay hạn mức được giao kết tự nguyện giữa các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, mục đích giao kết. Nội dung các điều khoản của Hợp đồng cho vay hạn mức, giấy nhận nợ về khoản nợ vay, lãi suất, trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 280, 462, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên phát sinh hiệu lực với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tổng dư nợ gốc còn nợ V1 là: 4.959.829.720 đồng. Do đó khoản vay của Công ty T đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/10/2022 và phải chịu lãi trên nợ gốc quá hạn theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cung cấp bảng kê chi tiết về khoản vay, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức, giấy nhận nợ đã ký giữa V1 và Công ty T3 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 24/4/2025. Sau khi kiểm tra, HĐXX xét thấy đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đúng theo thỏa thuận của các bên nêu trong Hợp đồng cho vay hạn mức, các giấy nhận nợ nên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả cho V1 tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 24/4/2025 là: 6.596.577.657 đ (*Sáu tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*), Trong đó: nợ gốc là 4.959.829.720 đ (*Bốn tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi đồng*); nợ lãi là 1.636.747.937 đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi sáu đồng, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*)

Về yêu cầu đòi khoản lãi phát sinh đến khi Công ty T trả hết nợ cho V1: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để buộc Công ty T phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc mà chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết (bằng 150% lãi suất trong hạn) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Để đảm bảo cho các khoản vay của mình tại V1, Công ty T đã thế chấp tài sản là Toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số: 10; Tờ bản đồ số: 10; Địa chỉ thửa đất: Tổ A, Phường T, Thành Phố H, tỉnh Hòa Bình; Chủ sở hữu: Công ty cổ phần T1. Là: Toàn bộ các hạng mục công trình gồm: Nhà bảo vệ; Nhà ăn ca; Nhà điều hành; Nhà nghỉ nhân viên; Chòi nghỉ; Nhà để xe. (không bao gồm quyền sử dụng đất)

Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 114/2021/HĐBĐ/NHCT184 ký kết ngày 06/7/2021, giữa Bên thế chấp là Công ty cổ phần T1 và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, ghi nhận hiện trạng, vị trí, số lượng, đặc điểm được bảo đảm so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp và không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc giải quyết vụ án.

HĐXX xét thấy, hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được các bên thực hiện theo đúng quy định về nội dung và hình thức, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên có hiệu lực. Tại mục 1.02 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp nêu trên, các bên thỏa thuận *“Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (Bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) của Bên được bảo đảm (được nêu tại Khoản 1.01 Điều này) đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay (hợp đồng tín dụng), hợp đồng bảo lãnh...mà bên được bảo đảm ký với bên nhận thế chấp trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này”*.

Tại Khoản 1.01 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp xác định *“Bên được bảo đảm là: Công ty Cổ phần T. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - Do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp đăng ký lần đầu ngày 20/11/2020, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 02/7/2021. Địa chỉ trụ sở: Tổ I, Phường T, Thành Phố H, Tỉnh Hòa Bình.”*

Giá trị tài sản thế chấp được các bên thống nhất chỉ có ý nghĩa liên quan đến việc xác định khoản tín dụng được cấp mà không bắt buộc phải được áp dụng khi xử lý tài sản thế chấp. Ngoài ra, tại điều khoản về biện pháp bảo đảm nêu trong hợp đồng tín dụng, các bên cũng thỏa thuận khoản vay được bảo đảm các hợp đồng bảo đảm xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm, hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu định giá tài sản thế chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng thế chấp tài sản được giao kết tự nguyện giữa các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, mục đích giao kết, nội dung các điều khoản của Hợp đồng về tài sản bảo đảm, phạm vi nghĩa vụ bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 292, 293, 295, 299 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, HĐXX có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của V1 về việc được đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ khi Công ty T không trả hoặc không trả đủ khoản nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ nghĩa vụ để trả nợ thì Công ty T vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho V1.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*). Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do cần buộc bị đơn phải thanh toán trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 ; Điều 273 và Điều 158 của BLTTDS.

Căn cứ các Điều 292, 293, 299, 301, 463, 466 BLDS 2015;

Căn cứ Điều 91, 95, điểm d, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạt;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí. Lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C (V1).

Buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C, tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 24/4/2025 là: 6.596.577.657 đ (*Sáu tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*), Trong đó: nợ gốc là 4.959.829.720 đ (*Bốn tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi đồng*); nợ lãi là 1.636.747.937 đ (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*)

2. Công ty cổ phần T phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc mà Công ty chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 25/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty cổ phần T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức và giấy nhận nợ nêu trên thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi

hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Cụ thể tài sản bảo đảm là: Toàn bộ tài sản trên đất tại: Thửa đất số: 10; Tờ bản đồ số 10; Địa chỉ thửa đất: Tổ A, Phường T, Thành Phố H, tỉnh Hòa Bình; Chủ sở hữu: Công ty cổ phần T1. Là: Toàn bộ các hạng mục công trình gồm: Nhà bảo vệ; Nhà ăn ca; Nhà điều hành; Nhà nghỉ nhân viên; Chòi nghỉ; Nhà để xe (không bao gồm quyền sử dụng đất).

Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 114/2021/HĐBĐ/NHCT184 ký kết ngày 06/7/2021, giữa Bên thế chấp là Công ty cổ phần T1 và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ1.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần T thì Công ty Cổ phần T tiếp tục có nghĩa vụ trả đủ khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần T phải nộp 114.596.577.đ (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP C 57.033.000 đ (*Năm mươi bảy triệu, không trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo Biên lai THA số 0004111 ngày 13/11/2024.

Buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Đ1 số tiền chi phí tố tụng là 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*)

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB
- VKSND thành phố HB
- Chi cục THADS thành phố HB
- Đương sự
- Lưu HS

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA